

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28/02/2020

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lâm Kim Mến.

2. Bà Lý Thị Đào.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 Tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 331/2019/TLST-HNGĐ ngày 09/12/2019 về “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” To Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Hiệp T, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Khu vực T, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Ông Phan Văn T1, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- To đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 30/9/2019, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn bà Huỳnh Hiệp T trình bày: Vào năm 2008 bà Huỳnh Hiệp T và ông Phan Văn T1 tự nguyện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, bà T và ông T1 sống chung với gia đình của ông T1 tại ấp Minh Duy, xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Bà T và ông T1 chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì giữa bà T và ông T1 thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không hòa thuận dẫn đến tình cảm vợ chồng không hạnh phúc. Đến năm 2017, bà T bỏ về nhà cha mẹ ruột ở phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang nên vợ chồng không còn sống chung đến nay. Bà T xác định giữa bà và ông T1 không còn tình cảm với nhau nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Phan Văn T1.

Về con chung: Có một người con chung tên Phan Huỳnh Duy K, sinh ngày 27/02/2010 hiện nay đang sống với bà T.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Phan Văn T1*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Phan Văn T1 To quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông T1 không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Phan Văn T1 đã được cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng To trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông T1 vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Phan Văn T1.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội; Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Hiệp T và ông Phan Văn T1; Về con chung: Giao cho bà Huỳnh Hiệp T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phan Huỳnh Duy K, sinh ngày 27/02/2010 đến tuổi trưởng thành. Ông Phan Văn T1 được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Huỳnh Hiệp T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Việc tranh chấp giữa bà Huỳnh Hiệp T và ông Phan Văn T1 là loại kiện hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Phan văn T1. Xét thấy, bà T và ông T1 kết hôn vào năm 2008, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống từ năm 2008 đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến không còn hạnh phúc. Kể từ năm 2017 đến nay bà T và ông T1 không còn chung sống với nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa bà Huỳnh Hiệp T và ông Phan Văn T1 không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Hơn nữa, bà T và ông T1 tự nguyện chung sống với

nhau vào năm 2008 nhưng không có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân giữa hai người không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận là vợ chồng To quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thụ lý đơn khởi kiện về việc ly hôn của bà Huỳnh Hiệp T và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Hiệp T và ông Phan Văn T1.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Huỳnh Hiệp T và ông Phan Văn T1 có 01 người con chung tên Phan Huỳnh Duy K, sinh ngày 27/02/2010, hiện nay đang sống với bà T. Bà T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu K đang sống với bà T và tại biên bản ghi lời khai ngày 15/01/2020, cháu K trình bày: Khi cha và mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Nguyện vọng của cháu K là chính đáng và phù hợp To quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của luật hôn nhân và gia đình 2014, giao cho bà T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phan Huỳnh Duy K đến tuổi trưởng thành. Ông Phan Văn T1 được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Huỳnh Hiệp T không yêu cầu ông Phan Văn T1 cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập.

6] Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Hiệp T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm To định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và To quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Hiệp T và ông Phan Văn T1.

- Về con chung: Giao cho bà Huỳnh Hiệp T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phan Huỳnh Duy K, sinh ngày 27/02/2010 đến tuổi trưởng thành.

Ông Phan Văn T1 được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Huỳnh Hiệp T không yêu cầu ông Phan Văn T1 cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Hiệp T phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng To biên lai thu số 0000073 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Bà Huỳnh Hiệp T đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử To trình tự phúc thẩm.

Bản án được thi hành To quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án To quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện To quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ái Mỹ